

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HS-ST
Ngày 27 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đồng Chung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hồng Phong và ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quốc T, sinh năm 1986, tại tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Thôn 10, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc T1 và bà Nguyễn Thị P; có vợ là Nguyễn Thị Mỹ H; nhân thân: Bản án số: 18/2005/HS-ST ngày 20-6-2005 bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Nông, tỉnh Đăk Nông xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong thời gian thử thách; bị bắt tạm giam từ ngày 08-12-2017 đến ngày 06-4-2018, tại ngoại - Có mặt.

2. Phạm Quốc T, sinh năm 1971, tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Bon P, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Vũ Thị H và 02 con; bị bắt tạm giam từ ngày 08-12-2017 đến ngày 13-02-2018, tại ngoại - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn Đ, trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông - Vắng mặt.

- Ông Phạm L, trú tại: Thôn 1, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông - Vắng mặt.

- Ông Lê Viết S, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện Đ - Có mặt.

- Ông Nguyễn Đình D - Hạt trưởng, Hạt kiểm lâm huyện Đ - Có mặt.

- Ông Lê Văn T - Phó Hạt trưởng, Hạt kiểm lâm huyện Đ - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30-8-2016, Nguyễn Quốc T được UBND huyện Đ giao 27,4 ha rừng và đất rừng tại khoảnh 1, 2, 4 tiểu khu 1638 thuộc xã T, huyện Đ, trong đó có 18,5 ha rừng thông được trồng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước từ năm 1983, 1984. Nguyễn Quốc T có trách nhiệm quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích này, nghiêm cấm mọi hành vi khai thác, hủy hoại rừng trái pháp luật, kết hợp với phát triển kinh tế hộ gia đình theo hướng bền vững. Sau khi được giao diện tích rừng trên, Nguyễn Quốc T nảy sinh ý định khai thác các cây thông đã chết, chậm phát triển để trồng lại rừng. Ngày 11-11-2016, Nguyễn Quốc T tự lập thống kê, báo cáo khai thác, tận dụng, tận thu gỗ thông và bản kê lâm sản khai thác có số lượng cây thông cần cưa hạ là 1.077 cây, thuộc các lô a, b khoảnh 1, 2 tiểu khu 1683, lô a khoảnh 4 tiểu khu 1683, khối lượng gỗ khoảng 342,38m³, thời gian khai thác là ngày 14-11-2016. Cùng ngày, Nguyễn Quốc T ký hợp đồng kinh tế thuê Nguyễn Văn Đ khai thác các cây thông Nguyễn Quốc T đã thống kê tại các lô a, b khoảnh 1, 2, 4 tiểu khu 1683. Hình thức khai thác tận thu, tận dụng: Cắt tĩa và cắt dọn nhưng cây cong queo, còi cọc, khô chết theo chỉ định và dấu son của Nguyễn Quốc T, sản phẩm gỗ trong quá trình khai thác được cắt thành Ster gỗ và cắt thành củi (khối lượng cần dọn ước lượng: 600Ster, thời gian thực hiện ngày 14-11-2016).

Cùng ngày, Nguyễn Quốc T mang báo cáo khai thác, tận dụng, tận thu gỗ thông, bản kê lâm sản khai thác và hợp đồng giữa Nguyễn Quốc T và Nguyễn Văn Đ đến UBND xã T gặp Phạm Quốc T, Chủ tịch UBND xã T để xin khai thác. Sau khi nghe Nguyễn Quốc T trình bày theo quy định tại Thông tư số: 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28-6-2016 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, thì UBND xã có thẩm quyền cho phép khai thác và xác nhận nguồn gốc gỗ để vận chuyển thì Phạm Quốc T đồng ý và ký xác nhận vào báo cáo khai thác, tận dụng, tận thu gỗ thông, bản kê lâm sản khai thác và hợp đồng giữa Nguyễn Quốc T và Đ cho phép Nguyễn Quốc T khai thác các cây thông Nguyễn Quốc T đã thống kê.

Ngày 14-11-2016 Nguyễn Văn Đ thực hiện khai thác thông theo hợp đồng đã ký với Nguyễn Quốc T. Đ thuê Phạm L (địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện Đ) cưa hạ, cắt khúc các cây thông khu vực lô 1, 3 khoảnh 2 tiểu khu 1683. Đồng thời thuê nhóm Điều V, Điều T, Điều L, Điều D, Điều U (cùng trú tại: xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước) bốc xếp gỗ thông đã cưa. Ngày 21-11-2016, khi Phạm L cùng đối tượng N cưa hạ 114 cây thông thì bị các ông Nguyễn Phi V, Trần Hữu T, Nguyễn Vũ T, Lê Duy K là cán bộ kiểm lâm Quốc lộ 14 huyện Đ phát hiện nên đã yêu cầu dừng việc khai thác và đưa đối tượng N về Trạm kiểm lâm Quốc lộ 14 làm việc và lập biên bản vi phạm hành chính đối với Nguyễn Quốc T, nội dung thể hiện: “Đoàn thực hiện chỉ thị 12 UBND xã T phát hiện 114 cây thông

(gồm 80 cây thông sống, 34 cây thông chết) bị cưa hạ trên diện tích thuộc lô 1, 3 khoảnh 2 tiểu khu 1683, chiều cao các cây thông cưa hạ từ 10 -15 mét, đường kính từ 15 – 40cm. Số cây thông trên do Nguyễn Quốc T chỉ đạo nhân viên cưa hạ. Đoàn yêu cầu Nguyễn Quốc T tạm đình chỉ việc cưa hạ thông để xác minh, điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật”.

Đến khoảng đầu tháng 12-2016, Nguyễn Quốc T yêu cầu Đ tiếp tục vào khu vực lô 1 khoảnh 4 tiểu khu 1683 sử dụng cưa xăng nhãn hiệu STIHL cưa hạ, cắt khúc 132 cây thông và nghĩ để qua tết Nguyên đán 2017 làm tiếp. Đến ngày 16-01-2017 đoàn kiểm tra thực hiện Chỉ thị 12/TTg của UBND xã T tuần tra phát hiện và lập biên bản vi phạm hành chính.

Kết quả khám nghiệm hiện trường các ngày 01-12-2017 và 08-02-2018 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đắk Nông xác định tổng số cây thông Nguyễn Quốc T thuê Đ khai thác tại lô 1, 3 khoảnh 2 tiểu khu 1683 và lô 1 khoảnh 4 tiểu khu 1683 thuộc thôn 10, xã T, huyện Đ là 246 cây có đường kính gốc từ 12cm - 55cm. Theo bản kết luận giám định ngày 12-10-2017 của ông Trương Quang Đ và bản kết luận giám định ngày 16-02-2018 của ông Trần Xuân Q xác định tổng khối lượng gỗ của 246 cây thông bị cưa hạ là 58,734m³, giá trị thiệt hại về lâm sản là 110.296.171 đồng.

Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia của Nguyễn Quốc T, 01 máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL của Nguyễn Văn Đ; 10,289m³ gỗ thông.

Cáo trạng số: 20/Ctr-VKS-P3 ngày 26-4-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố Nguyễn Quốc T về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng” theo quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Quốc T về tội “Vi phạm các quy định về quản lý rừng” theo quy định tại khoản 2 Điều 176 Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Quốc T và Phạm Quốc T thừa nhận hành vi như bản nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T và Phạm Quốc T về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 175; các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T từ 04 tháng đến 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 176; các điểm p, s khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Phạm Quốc T từ 06 tháng đến 09 tháng tù

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu, sung quỹ nhà nước: 01 máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL của Nguyễn Văn Đ; 10,289m³ gỗ thông.

Trả lại cho Nguyễn Quốc T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia.

Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy bị cáo Nguyễn Quốc T đã khắc phục toàn bộ hậu quả nên không đề cập xử lý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Viết S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo bởi các bị cáo khai thác thông nhằm mục đích trồng lại rừng và hiện tại bị cáo Nguyễn Quốc T đã trồng lại rừng trên toàn bộ diện tích bị khai thác. Đối với bị cáo Phạm Quốc T do nhận thức pháp luật chưa đầy đủ dẫn đến vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, bị cáo Phạm Quốc T không có mục đích vụ lợi trong việc cho phép bị cáo Nguyễn Quốc T khai thác thông.

Các bị cáo không có bào chữa tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Lợi dụng việc được UBND giao diện tích 27,4 ha rừng và đất rừng tại khoảnh 1, 2, 4 tiểu khu 1683 thuộc xã T, huyện Đ (trong đó có 18,5 ha rừng thông được trồng bằng vốn ngân sách nhà nước từ năm 1983, 1984) để quản lý, bảo vệ, phát triển rừng trên diện tích này, nghiêm cấm mọi hành vi khai thác, hủy hoại rừng trái pháp luật, kết hợp phát triển kinh tế hộ gia đình theo hướng bền vững. Ngày 11-11-2016, Nguyễn Quốc T đã tự lập thống kê, báo cáo khai thác, tận dụng, tận thu gỗ thông và bản kê lâm sản khai thác có số lượng cây thông cần cưa hạ là 1077 cây. Sau đó, Nguyễn Quốc T đưa hồ sơ này đến UBND xã T để xin khai thác và được Chủ tịch UBND xã T ông Phạm Quốc T ký xác nhận. Mặc dù, Nguyễn Quốc T biết theo quy định tại Điều 57 Luật Bảo vệ phát triển rừng, Phạm Quốc T không có thẩm quyền cho phép khai thác rừng trồng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng sau khi được Phạm Quốc T ký xác nhận Nguyễn Quốc T vẫn thuê Đ khai thác trái phép diện tích rừng được giao quản lý, bảo vệ. Đến ngày 21-11-2016 bị phát hiện lập biên bản nhưng đến tháng 12-2016 Nguyễn Quốc T vẫn tiếp tục khai thác. Tổng số cây thông bị Nguyễn Quốc T cưa hạ 246 cây, khối lượng gỗ bị khai thác là 58,734m³, giá trị thiệt hại về lâm sản là 110.296.171 đồng.

Đối với bị cáo Phạm Quốc T, theo quy định tại Điều 57 Luật Bảo vệ phát triển rừng thì UBND xã không có thẩm quyền cho phép khai thác rừng trồng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng Phạm Quốc T vẫn ký xác nhận để Nguyễn Quốc T khai thác gỗ thông là trái quy định của pháp luật về quản lý bảo vệ rừng. Hậu quả dẫn đến Nguyễn Quốc T cưa hạ 246 cây, khối lượng gỗ bị khai thác là 58,734m³, giá trị thiệt hại về lâm sản là 110.296.171 đồng.

Đối với Nguyễn Văn Đ chỉ là người làm thuê cho Nguyễn Quốc T theo hợp đồng kinh tế ngày 11-11-2016. Đ không biết rõ nguồn gốc các cây thông mà mình cưa hạ. Do đó, không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn Đ.

Đối với Ông Nguyễn Đình D, Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện Đ và ông Lê Văn T, Phó Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện Đ quá trình thực hiện nhiệm vụ đã không kịp thời ngăn chặn hành vi khai thác trái phép lâm sản của Nguyễn Quốc T, tuy nhiên đây không phải là nguyên nhân chính xảy ra tội phạm nên không có căn cứ xử lý hình sự, Cơ quan điều tra xử lý hành chính là có căn cứ.

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng” theo quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Phạm Quốc T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm các quy định về quản lý rừng” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 176 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật, không oan.

Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào có một trong các hành vi sau đây gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Khai thác trái phép cây rừng hoặc có hành vi khác vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 189 của Bộ luật này

...

2. Phạm tội trong trường hợp rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ hai năm đến mười năm.”.

Điều 176 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn có một trong các hành vi sau đây gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

c) Cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

c) Gây hậu quả rất nghiêm trọng”

[3]. Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây nên hậu quả rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý, khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến nguồn tài nguyên rừng của Nhà nước. Hiện nay, tại địa phương tình trạng phá rừng diễn ra rất phức tạp vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt đủ nghiêm để giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3.1]. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo Phạm Quốc T được Ủy ban Trung ương Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam tặng bằng khen năm 2014, bị cáo Phạm Quốc T có ông nội và bác ruột là người có công với cách mạng; bị cáo Nguyễn Quốc T đã bồi thường, khắc phục hậu quả do mình gây ra, bị cáo Nguyễn Quốc T đã tiến hành trồng lại rừng trên diện tích thông bị cưa hạ (theo biên bản nghiệm thu kết quả trồng rừng năm 2017); hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Quốc T và các điểm p, s khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Phạm Quốc T.

[3.2]. Đối với tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng theo quy định tại Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định theo hướng có lợi hơn cho bị cáo vì vậy cần áp dụng cho bị cáo Nguyễn Quốc T.

[3.3]. Đối với bị cáo Phạm Quốc T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo, đây cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, sung quỹ nhà nước: 01 máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL của Nguyễn Văn Đ; 10,289m³ gỗ thông.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia không liên quan đến vụ án, xét thấy cần trả lại cho Nguyễn Quốc T.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy bị cáo Nguyễn Quốc T đã khắc phục toàn bộ thiệt hại nên không đề cập xử lý. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quốc T 3.000.000 đồng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*”; bị cáo Phạm Quốc T phạm tội “*Vi phạm các quy định về quản lý rừng*”.

Áp dụng khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị Quyết số: 41 của Quốc hội; Điều 232 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án được trừ thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 08-12-2017 đến ngày 06-4-2018.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 176; các điểm p, s khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Phạm Quốc T 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Tịch thu, sung quỹ nhà nước: 01 máy cưa xăng nhãn hiệu STIHL của Nguyễn Văn Đ (có đặc điểm như biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 23-01-2018); 10,289m³ gỗ thông.

Trả lại cho Nguyễn Quốc T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia (Có đặc điểm như biên về việc bắt người ngày 08-12-2017).

3. Về trách nhiệm dân sự: Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Quốc T số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) đã nộp theo biên lai số: 004841 ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Quốc T và Phạm Quốc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS - CA tỉnh Đắk Nông;
- CQ. CSĐT - CA tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Các bị cáo;
- UBND xã T;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đỗ Đồng Chung